BẢNG GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ INTERNET VTVcab

1. HÀ NỘI

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng CMTS			Hạ tầng GPON				
	Home 25	Home 30	Home 35	VTVnet S120/ M2	VTVnet S150/ M3	VTVnet S180/ M4	VTVnet S200/ M5	VTVnet S250/ M6
Băng thông	25Mbps / 2,5Mbps	30Mbps / 3Mbps	35Mbps / 3,5Mbps	120Mbps/ 150Mbps	150Mbps/ 180Mbps	180Mbps/ 220Mbps	200Mbps/ 250Mbps	250Mbps/ 300Mbps
Internet lẻ	151.000	176.500	202.000	190.000	210.000	230.000	260.000	340.000
Combo cơ bản+Internet	248.000	268.500	288.000	273.000	293.000	313.000	343.000	423.000
Combo CHẤT+Internet	268.000	287.500	308.000	293.000	313.000	333.000	363.000	443.000
Combo ĐỈNH+Internet	297.000	317.500	337.000	323.000	343.000	363.000	393.000	473.000

Combo Family:

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng GPON		
	FaM2	FaM4	FaM6
Băng thông	VTVnet S120/M2 120Mbps/150Mbps	VTVnet S180/M4 180Mbps/220Mbps	VTVnet S250/M6 250Mbps/ 300Mbps
Combo Family cơ bản	210.000	220.000	320.000
Combo Family ĐỈNH	260.000	270.000	370.000

2. TP. HỒ CHÍ MINH

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng CMTS	
	Home 20	Home 30
Địa bàn	Toàn bộ TP. HCM	
Băng thông	20Mbps/2Mbps	30Mbps/3Mbps
Internet lẻ	125.000	160.000
Combo cơ bản + Internet	188.000	218.000
Combo CHẤT + Internet	188.000	218.000
Combo ĐỈNH + Internet	233.000	263.000

Tên gói cước	Hạ tầng GPON					
	VTVnet S120/ M1	VTVnet S120/ M2	VTVnet S120/ M3	VTVnet S120/ M4	VTVnet S120/ M5	VTVnet S120/ M6
Địa bàn	Địa bàn VINHOMES Quận 9					
Băng thông	80Mbps/ 80Mbps	150Mbps/ 150Mbps	180Mbps/ 180Mbps	220Mbps/ 220Mbps	250Mbps/ 250Mbps	300Mbps/ 300Mbps
Internet lẻ	175.000	190.000	210.000	230.000	260.000	340.000
Combo cơ bản+Internet	263.000	278.000	298.000	318.000	348.000	428.000
Combo CHẤT + Internet	263.000	278.000	298.000	318.000	348.000	428.000
Combo ĐỈNH+Internet	308.000	323.000	343.000	363.000	393.000	473.000

Tên gói cước	Hạ tầng GPON							
	VTVnet S120/ M1	VTVnet S120/ M2	VTVnet S120/ M3	VTVnet S120/ M4	VTVnet S120/ M5	VTVnet S120/ M6	VTVnet V40	VTVnet V60
Địa bàn	Địa bàn Việt Thành (Quận 7, Quận 8)						Hà Đô Centrosa Garden và Sunview Town	
Băng thông	80Mbps/ 80Mbps	150Mbps/ 150Mbps	180Mbps/ 180Mbps	220Mbps/ 220Mbps	250Mbps/ 250Mbps	300Mbps/ 300Mbps	40Mbps/ 40Mbps	60Mbps/ 60Mbps
Internet lẻ	175.000	190.000	210.000	230.000	260.000	340.000	218.900	273.900
Combo cơ bản+Internet	234.000	249.000	269.000	289.000	319.000	399.000	278.000	338.000

Combo CHẮT+Internet	234.000	249.000	269.000	289.000	319.000	399.000	278.000	338.000
Combo ĐỈNH+Internet	263.000	278.000	298.000	318.000	348.000	428.000	323.000	383.000

Combo Family (áp dụng tại Quận 7, Quận 8)

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	**Hạ tầng GPON**		
	FaM2	**FaM4**	**FaM6**
Băng thông	**150Mbps/ 150Mbps (VTVnet M2)**	**220Mbps/ 220Mbps (VTVnet M4)**	**300Mbps/ 300Mbps (VTVnet M6)**
Combo Family cơ bản	190.000	220.000	315.000
Combo Family ĐỈNH	225.000	255.000	350.000

VŨNG TÀU

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng CMTS	
	Home 20	**Home 30**
Băng thông	**20Mbps/2Mbps**	**30Mbps/3Mbps**
Internet lẻ	120.000	165.000
Combo cơ bản+Internet	182.000	235.000
Combo CHẤT+Internet	207.000	260.000
Combo ĐỈNH+Internet	222.000	275.000

Tên gói cước	Hạ tầng GPON											
	VTVnet S80/ M1	**VTVnet S120/ M2**	**VTVnet S150/ M3**	**VTVnet S180/ M4**	**VTVnet S200/ M5**	**VTVnet S250/ M6**	**VTVnet V40**	**VTVnet V50**	**VTVnet V60**	**VTVnet V70**	**VTVnet V80**	**VTVnet V100**
Băng thông	**80Mbps/ 80Mbps**	**120Mbps/ 150Mbps**	**150Mbps/ 180Mbps**	**180Mbps/ 220Mbps**	**200Mbps / 250Mbps**	**250Mbps/ 300Mbps**	**40Mbps/ 40Mbps**	**50Mbps/ 50Mbps**	**60Mbps/ 60Mbps**	**70Mbps/ 70Mbps**	**80Mbps/ 80Mbps**	**100Mbps/ 100Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo cơ bản+Internet	235.000	250.000	270.000	290.000	320.000	420.000	235.000	250.000	270.000	290.000	320.000	420.000
Combo CHẤT+Internet	260.000	275.000	295.000	310.000	345.000	445.000	260.000	275.000	295.000	315.000	345.000	445.000
Combo ĐỈNH+Internet	275.000	290.000	310.000	330.000	360.000	460.000	275.000	290.000	310.000	330.000	360.000	460.000

BÌNH DƯƠNG

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng CMTS			Hạ tầng GPON					
	Home 20	Home 30	Home 40	VTVnet S80/ M1	VTVnet S120/ M2	VTVnet S150/ M3	VTVnet S180/ M4	VTVnet S200/ M5	VTVnet S250/ M6
Băng thông	20Mbps /2Mbps	30Mbps /3Mbps	40Mbps /4Mbps	80Mbps/ 80Mbps	120Mbps/ 150Mbps	150Mbps/ 180Mbps	180Mbps/ 220Mbps	200Mbps/ 250Mbps	250Mbps/ 300Mbps
Internet lẻ	120.000	165.000	200.000	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo cơ bản+Internet	182.000	235.000	270.000	235.000	250.000	270.000	290.000	320.000	420.000
Combo CHẤT+Internet	207.000	260.000	295.000	260.000	275.000	295.000	315.000	345.000	445.000
Combo ĐỈNH+Internet	222.000	275.000	310.000	275.000	290.000	310.000	330.000	360.000	460.000

ĐỒNG NAI (C.Ty Việt Thành)

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng HTC				Hạ tầng GPON					
	VTVnet F30	VTVnet F44	VTVnet F55	VTVnet F62	VTVnet M1	VTVnet M2	VTVnet M3	VTVnet M4	VTVnet M5	VTVnet M6
Băng thông	30Mbps / 30Mbps	44Mbps / 44Mbps	55Mbps / 55Mbps	62Mbps / 62Mbps	80Mbps/ 80Mbps	150Mbps/ 150Mbps	180Mbps/ 180Mbps	220Mbps/ 220Mbps	250Mbps/ 250Mbps	300Mbps/ 300Mbps
Internet lẻ	140.000	195.000	230.000	250.000	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo cơ bản+Internet	196.000	234.000	269.000	289.000	234.000	249.000	269.000	289.000	319.000	419.000
Combo CHẤT+Internet	203.000	258.000	293.000	313.000	258.000	273.000	293.000	313.000	343.000	443.000
Combo ĐỈNH+Internet	218.000	273.000	308.000	328.000	273.000	288.000	308.000	328.000	358.000	458.000

KHÁNH HÒA

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng GPON					
	VTVnet S80/M1	VTVnet S120/M2	VTVnet S150/M3	VTVnet S180/M4	VTVnet S200/M5	VTVnet S250/M6
Địa bàn	Địa bàn Nha Trang					
Băng thông	80Mbps/80Mbps	120Mbps/150Mbps	150Mbps/180Mbps	180Mbps/220Mbps	200Mbps/250Mbps	250Mbps/300Mbps
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	260.000	340.000
Combo cơ bản+Internet	244.000	259.000	279.000	299.000	329.000	429.000
Combo CHẤT+Internet	268.000	283.000	303.000	323.000	353.000	453.000
Combo ĐỈNH+Internet	283.000	298.000	318.000	338.000	368.000	468.000
Địa bàn	Các địa bàn Còn lại					
Combo cơ bản+Internet	224.000	239.000	259.000	279.000	309.000	409.000

Combo CHẮT+Internet	268.000	283.000	303.000	323.000	353.000	453.000
Combo ĐỈNH+Internet	283.000	298.000	318.000	338.000	368.000	468.000

QUẢNG NINH (VTVcab Quảng Ninh) | THÁI NGUYÊN | HẢI PHÒNG | PHÚ THỌ | TIỀN GIANG

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	**Hạ tầng GPON**					
	VTVnet S80/M1	**VTVnet S120/M2**	**VTVnet S150/M3**	**VTVnet S180/M4**	**VTVnet S200/M5**	**VTVnet S250/M6**
Băng thông	**80Mbps/80Mbps**	**120Mbps/150Mbps**	**150Mbps/180Mbps**	**180Mbps/220Mbps**	**200Mbps/250Mbps**	**250Mbps/300Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo cơ bản+Internet	234.000	249.000	269.000	289.000	319.000	419.000
Combo CHẮT+Internet	258.000	273.000	293.000	313.000	343.000	443.000
Combo ĐỈNH+Internet	273.000	288.000	308.000	328.000	358.000	458.000

LÀO CAI | NINH BÌNH

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	**Hạ tầng GPON**					
	VTVnet S80	**VTVnet S120**	**VTVnet S150**	**VTVnet S180**	**VTVnet S200**	**VTVnet S250**
Băng thông	**80Mbps/ 80Mbps**	**120Mbps/ 120Mbps**	**150Mbps/ 150Mbps**	**180Mbps/ 180Mbps**	**200Mbps/ 200Mbps**	**250Mbps/ 250Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo cơ bản+Internet	234.000	249.000	269.000	289.000	319.000	419.000
Combo CHẮT+Internet	258.000	273.000	293.000	313.000	343.000	443.000
Combo ĐỈNH+Internet	273.000	288.000	308.000	328.000	358.000	458.000

HÒA BÌNH

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	**HẠ TẦNG GPON**					
	VTVnet S80	**VTVnet S120**	**VTVnet S150**	**VTVnet S180**	**VTVnet S200**	**VTVnet S250**
Băng thông	**80Mbps/80Mbps**	**120Mbps/120Mbps**	**150Mbps/150Mbps**	**180Mbps/180Mbps**	**200Mbps/200Mbps**	**250Mbps/250Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo Cơ bản + Internet	230.000	245.000	265.000	285.000	315.000	415.000
Combo CHẮT + Internet	255.000	270.000	290.000	310.000	340.000	440.000
Combo ĐỈNH + Internet	270.000	285.000	305.000	325.000	355.000	455.000

THÁI BÌNH

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	HẠ TẦNG GPON					
	VTVnet S80	**VTVnet S120**	**VTVnet S150**	**VTVnet S180**	**VTVnet S200**	**VTVnet S250**
Băng thông	**80Mbps/80Mbps**	**120Mbps/120Mbps**	**150Mbps/150Mbps**	**180Mbps/180Mbps**	**200Mbps/200Mbps**	**250Mbps/250Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo Cơ bản + Internet	185.000	200.000	220.000	240.000	270.000	370.000
Combo CHẤT + Internet	258.000	273.000	293.000	313.000	343.000	443.000
Combo ĐỈNH + Internet	273.000	288.000	308.000	328.000	358.000	458.000

AN GIANG | SÓC TRĂNG | VĨNH PHÚC | NINH THUẬN | ĐÀ NẴNG | CẦN THƠ

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng GPON					
	VTVnet S80/M1	**VTVnet S120/M2**	**VTVnet S150/M3**	**VTVnet S180/M4**	**VTVnet S200/M5**	**VTVnet S250/M6**
Băng thông	**80Mbps/80Mbps**	**120Mbps/150Mbps**	**150Mbps/180Mbps**	**180Mbps/220Mbps**	**200Mbps/250Mbps**	**250Mbps/300Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo cơ bản+Internet	234.000	249.000	269.000	289.000	319.000	419.000
Combo CHẤT+Internet	258.000	273.000	293.000	313.000	343.000	443.000
Combo ĐỈNH+Internet	273.000	288.000	308.000	328.000	358.000	458.000

BẠC LIÊU | ĐỒNG THÁP

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	HẠ TẦNG GPON					
	VTVnet S30	**VTVnet S80**	**VTVnet S100**	**VTVnet S120**	**VTVnet S140**	**VTVnet S200**
Băng thông	**30Mbps/30Mbps**	**80Mbps/80Mbps**	**100Mbps/100Mbps**	**120Mbps/120Mbps**	**140Mbps/140Mbps**	**200Mbps/200Mbps**
Internet lẻ	*165.000*	*180.000*	*200.000*	*220.000*	*250.000*	*350.000*
Combo Cơ bản + Internet	*229.000*	*244.000*	*264.000*	*284.000*	*314.000*	*414.000*
Combo CHẤT + Internet	*253.000*	*268.000*	*288.000*	*308.000*	*338.000*	*438.000*
Combo ĐỈNH + Internet	*268.000*	*283.000*	*303.000*	*323.000*	*353.000*	*453.000*

NAM ĐỊNH

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng GPON					
	VTVnet S80/M1	**VTVnet S120/M2**	**VTVnet S150/M3**	**VTVnet S180/M4**	**VTVnet S200/M5**	**VTVnet S250/M6**
Băng thông	**80Mbps/80Mbps**	**120Mbps/150Mbps**	**150Mbps/180Mbps**	**180Mbps/220Mbps**	**200Mbps/250Mbps**	**250Mbps/300Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo cơ bản+Internet	214.000	229.000	249.000	269.000	299.000	399.000
Combo CHẤT+Internet	239.000	254.000	274.000	294.000	324.000	424.000
Combo ĐỈNH+Internet	253.000	268.000	288.000	308.000	338.000	438.000

HƯNG YÊN | QUẢNG NAM

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	HẠ TẦNG GPON						HẠ TẦNG HTC			
	VTVnet F30	**VTVnet F44/M1**	**VTVnet M2**	**VTVnet F55/M3**	**VTVnet F62/M4**	**VTVnet M5**	**VTVnet F30**	**VTVnet F44**	**VTVnet F55**	**VTVnet F62**
Băng thông	**30Mbps/ 30Mbps**	**44Mbps/ 80Mbps**	**100Mbps/ 100Mbps**	**120Mbps/ 180Mbps**	**62Mbps/ 220Mbps**	**25Mbps/ 250Mbps**	**30Mbps / 30Mbps**	**44Mbps/ 44Mbps**	**55Mbps / 55Mbps**	**62Mbps / 62Mbps**
Internet lẻ	*165.000*	*180.000*	*200.000*	*220.000*	*250.000*	*350.000*	*110.000*	*165.000*	*200.000*	*220.000*
Combo Cơ bản + Internet	*234.000*	*249.000*	*269.000*	*289.000*	*319.000*	*419.000*	*179.000*	*234.000*	*269.000*	*289.000*
Combo CHẤT + Internet	*258.000*	*273.000*	*293.000*	*313.000*	*343.000*	*443.000*	*203.000*	*258.000*	*293.000*	*313.000*
Combo ĐỈNH + Internet	*273.000*	*288.000*	*308.000*	*328.000*	*358.000*	*458.000*	*218.000*	*273.000*	*308.000*	*328.000*

LONG AN

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	HẠ TẦNG GPON						HẠ TẦNG HTC			
	VTVnet M1	**VTVnet M2**	**VTVnet M3**	**VTVnet M4**	**VTVnet M5**	**VTVnet M6**	**VTVnet F30**	**VTVnet F44**	**VTVnet F55**	**VTVnet F62**
Băng thông	**80Mbps / 80Mbps**	**150Mbps / 150Mbps**	**180Mbps / 180Mbps**	**220Mbps / 220Mbps**	**250Mbps / 250Mbps**	**300Mbps / 300Mbps**	**30Mbps / 30Mbps**	**44Mbps / 44Mbps**	**55Mbps / 55Mbps**	**62Mbps / 62Mbps**
Internet lẻ	*165.000*	*180.000*	*200.000*	*220.000*	*250.000*	*350.000*	*110.000*	*165.000*	*200.000*	*300.000*
Combo Cơ bản + Internet	*234.000*	*249.000*	*269.000*	*289.000*	*319.000*	*419.000*	*169.000*	*224.000*	*259.000*	*359.000*
Combo CHẤT + Internet	*258.000*	*273.000*	*293.000*	*313.000*	*343.000*	*443.000*	*198.000*	*253.000*	*288.000*	*388.000*
Combo ĐỈNH + Internet	*273.000*	*288.000*	*308.000*	*328.000*	*358.000*	*458.000*	*218.000*	*273.000*	*308.000*	*408.000*

THỪA THIÊN HUẾ | BÌNH THUẬN

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	HẠ TẦNG GPON						
	VTVnet M1/S80	**VTVnet S120/M2**	**VTVnet S150/M3**	**VTVnet S180/M4**	**VTVnet S200/M5**	**VTVnet S250/M6**	**VTVnet F45**
Băng thông	**80Mbps / 80Mbps**	**120Mbps / 150Mbps**	**150Mbps / 180Mbps**	**180Mbps / 220Mbps**	**200Mbps / 250Mbps**	**250Mbps / 300Mbps**	**45Mbps / 45Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000	135.000
Combo Cơ bản + Internet	*234.000*	*249.000*	*269.000*	*289.000*	*319.000*	*419.000*	*204.000*
Combo CHẤT + Internet	*258.000*	*273.000*	*293.000*	*313.000*	*343.000*	*443.000*	*228.000*
Combo ĐỈNH + Internet	*273.000*	*288.000*	*308.000*	*328.000*	*358.000*	*458.000*	*243.000*

BẾN TRE

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	HẠ TẦNG GPON						
	VTVnet S80/M1	**VTVnet S120/M2**	**VTVnet S150/M3**	**VTVnet S180/M4**	**VTVnet S200/M5**	**VTVnet S250/M6**	**VTVnet F45**
Băng thông	**80Mbps/80Mbps**	**120Mbps / 150Mbps**	**150Mbps / 180Mbps**	**180Mbps / 220Mbps**	**200Mbps / 250Mbps**	**250Mbps / 300Mbps**	**45Mbps / 45Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000	135.000
Combo Cơ bản + Internet	*229.000*	*244.000*	*264.000*	*284.000*	*314.000*	*414.000*	*199.000*
Combo CHẤT + Internet	*253.000*	*268.000*	*288.000*	*308.000*	*338.000*	*438.000*	*223.000*
Combo ĐỈNH + Internet	*268.000*	*283.000*	*303.000*	*323.000*	*353.000*	*453.000*	*238.000*

ĐỒNG NAI (THC Sài Gòn) | THANH HÓA

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	HẠ TẦNG GPON									
	VTVnet S80/M1	**VTVnet S120/M2**	**VTVnet S150/M3**	**VTVnet S180/M4**	**VTVnet S200/M5**	**VTVnet S250/M6**	**VTVnet F30**	**VTVnet F44**	**VTVnet F55**	**VTVnet F62**
Băng thông	**80Mbps / 80Mbps**	**120Mbps / 150Mbps**	**150Mbps / 180Mbps**	**180Mbps / 220Mbps**	**200Mbps / 250Mbps**	**250Mbps / 300Mbps**	**30Mbps / 30Mbps**	**44Mbps / 44Mbps**	**55Mbps / 55Mbps**	**62Mbps / 62Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000	140.000	195.000	230.000	250.000
Combo Cơ bản + Internet	*234.000*	*249.000*	*269.000*	*289.000*	*319.000*	*419.000*	*196.000*	*234.000*	*269.000*	*289.000*
Combo CHẮT + Internet	*258.000*	*273.000*	*293.000*	*313.000*	*343.000*	*443.000*	*203.000*	*258.000*	*293.000*	*313.000*
Combo ĐỈNH + Internet	*273.000*	*288.000*	*308.000*	*328.000*	*358.000*	*458.000*	*218.000*	*273.000*	*308.000*	*328.000*

TRÀ VINH | HÀ TĨNH | KIÊN GIANG | BÌNH PHƯỚC | QUẢNG NINH (THC Cẩm Phả)

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	HẠ TẦNG GPON					
	VTVnet M1	**VTVnet M2**	**VTVnet M3**	**VTVnet M4**	**VTVnet M5**	**VTVnet M6**
Băng thông	**80Mbps/80Mbps**	**150Mbps/150Mbps**	**180Mbps/180Mbps**	**220Mbps/220Mbps**	**250Mbps/250Mbps**	**300Mbps/300Mbps**
Internet lẻ	*165.000*	*180.000*	*200.000*	*220.000*	*250.000*	*350.000*
Combo Cơ bản + Internet	*214.000*	*229.000*	*249.000*	*269.000*	*299.000*	*399.000*
Combo CHẮT + Internet	*253.000*	*268.000*	*288.000*	*308.000*	*338.000*	*438.000*
Combo ĐỈNH + Internet	*273.000*	*288.000*	*308.000*	*328.000*	*358.000*	*458.000*

TÂY NINH

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Địa bàn	HẠ TẦNG GPON					
	VTVnet M1	**VTVnet M2**	**VTVnet M3**	**VTVnet M4**	**VTVnet M5**	**VTVnet M6**
Băng thông	**80Mbps/80Mbps**	**150Mbps/150Mbps**	**180Mbps/180Mbps**	**220Mbps/220Mbps**	**250Mbps/250Mbps**	**300Mbps/300Mbps**
Internet lẻ	*165.000*	*180.000*	*200.000*	*220.000*	*250.000*	*350.000*
Combo Cơ bản + Internet	*239.000*	*254.000*	*274.000*	*294.000*	*324.000*	*424.000*
Combo CHẮT + Internet	*239.000*	*254.000*	*274.000*	*294.000*	*324.000*	*424.000*
Combo ĐỈNH + Internet	*288.000*	*303.000*	*323.000*	*343.000*	*373.000*	*473.000*

NGHỆ AN

Đơn vị tính: VNĐ, đã bao gồm VAT

Tên gói cước	Hạ tầng GPON					
	VTVnet S80/M1	VTVnet S120/M2	VTVnet S150/M3	VTVnet S180/M4	VTVnet S200/M5	VTVnet S250/M6
Băng thông	**80Mbps/80Mbps**	**120Mbps/150Mbps**	**150Mbps/180Mbps**	**180Mbps/220Mbps**	**200Mbps/250Mbps**	**250Mbps/300Mbps**
Internet lẻ	165.000	180.000	200.000	220.000	250.000	350.000
Combo cơ bản+Internet	209.000	224.000	244.000	264.000	294.000	394.000
Combo CHẮT+Internet	253.000	268.000	288.000	308.000	338.000	438.000
Combo ĐỈNH+Internet	268.000	283.000	303.000	323.000	353.000	453.000

COMBO FAMILY

Combo Family: Quảng Nam+Long An+Hưng Yên+Tiền Giang+Lào Cai+Trà Vinh+Hà Tĩnh+Kiên Giang+Bình Phước			
Tên gói cước	**Hạ tầng GPON**		
	FaM2	**FaM4**	**FaM6**
Băng thông	**VTVnet M2 150Mbps/150Mbps**	**VTVnet M4 220Mbps/220Mbps**	**VTVnet M6 300Mbps/ 300Mbps**
Combo Family cơ bản	190.000	220.000	315.000
Combo Family ĐỈNH	225.000	255.000	350.000

Combo Family: An Giang+Sóc Trăng+Vĩnh Phúc+Ninh Thuận+Bạc Liêu+Đồng Tháp+Quảng Ninh (THC Cẩm Phả)+Thái Nguyên+Khánh Hòa+Hòa Bình+Huế+Bình Thuận+Bến Tre+Đồng Nai (C.Ty Việt Thành)+Vũng Tàu+ Đồng Nai (THC Sài Gòn)			
Tên gói cước	**Hạ tầng GPON**		
	VTVnet S120/ M2	**VTVnet S180/ M4**	**VTVnet S250/ M6**
Băng thông	**120Mbps/ 150Mbps**	**180Mbps/220Mbps**	**250Mbps/300Mbps**
Combo Family cơ bản	190.000	220.000	315.000
Combo Family ĐỈNH	225.000	255.000	350.000